

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/KDTM-ST
Ngày: 15/7/2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

2. Bà Lê Thị Khanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Công Danh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Ngọc Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2020/TLST - KDTM ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2022/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 133/QĐST-KDTM ngày 22/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần P

Trụ sở chính: Tầng N, Tòa nhà M, đường T, phường S, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Th (có mặt).

Địa chỉ liên hệ: Tầng N, Tòa nhà V, đường T, phường Đ, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh - (giấy ủy quyền số 300/2021/UQ-GĐCNSG ngày 31/12/2021).

2. Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng K

Trụ sở: Đường N, tổ M, ấp K, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Kh – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Chỗ ở: Đường N, tổ M, ấp K, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 4 năm 2020, bản tự khai ngày 27 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP P (sau đây gọi tắt là Ngân hàng P) ký hợp đồng tín dụng cho Công ty TNHH Xây dựng K (sau đây gọi tắt là Công ty K) vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 445.0015/2017/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 18/01/2017 với những nội dung chính: Số tiền vay 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng; thời hạn vay 60 tháng (kể từ ngày rút vốn đầu tiên); lãi suất 8.49%/năm trong 12 tháng đầu tiên và chịu sự điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng P; mục đích vay: Mua xe ô tô Ford Ranger.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Xe tải Pickup cabin kép nhãn hiệu Ford Ranger, số máy P4AT2351349, số khung FF80HW665579, biển số đăng ký 51D-091.40 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 242387 do Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2017 cho Công ty K; toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị đầu tư tăng lên của ô tô đã thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp theo khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng P đã giải ngân cho khách hàng 01 lần với tổng số tiền là 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng theo Khế ước nhận nợ số 445.0015/2017/KU'NN-PN/PGB.SG ngày 19/01/2017.

Kể từ ngày giải ngân khoản vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên đến nay, Công ty K đã thanh toán cho Ngân hàng P tổng số tiền là 292.076.300 (hai trăm chín mươi hai triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm) đồng, trong đó bao gồm: 198.339.000 (một trăm chín mươi tám triệu ba trăm ba mươi chín nghìn) đồng tiền nợ gốc và 93.737.300 (chín mươi ba triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm) đồng tiền nợ lãi. Tính đến ngày 27/7/2020, tổng số tiền Công ty K còn nợ Ngân hàng P là: 671.225.928 đồng (sáu trăm bảy mươi một triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, chín trăm hai mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc là: 501.661.000 (năm trăm không một triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn) đồng; các khoản lãi phát sinh là: 169.564.928 (một trăm sáu mươi chín triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi tám) đồng.

Từ khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng P đã gửi thông báo nợ quá hạn và làm việc nhiều lần với bị đơn để yêu cầu trả nợ và thỏa thuận xử lý tài sản bảo đảm nhưng bị đơn không trả nợ, cũng không hợp tác bàn giao tài sản để Ngân hàng P xử lý thu hồi nợ.

Do đó, Ngân hàng P khởi kiện yêu cầu buộc Công ty K thanh toán cho Ngân hàng P số tiền tạm tính đến ngày 27/7/2020 là: 671.225.928 đồng (sáu

trăm bảy mươi một triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, chín trăm hai mươi tám đồng), trong đó: Nợ gốc là: 501.661.000 (năm trăm không một triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn) đồng; các khoản lãi phát sinh là: 169.564.928 (một trăm sáu mươi chín triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi tám) đồng

Dư nợ này chưa kể số lãi phát sinh thêm sau ngày 27/7/2020 cho đến ngày khoản vay được thanh toán toàn bộ, được tính theo nguyên tắc: *Số lãi phát sinh = Dư nợ thực tế x Lãi suất quá hạn x Số ngày thực tế phát sinh/365*

- Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Lãi sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 28/7/2020 trên tổng số tiền thực nợ Ngân hàng P với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ là 150% lãi suất trong hạn cho đến khi khách hàng trả hết nợ.

- Trong trường hợp Công ty K không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ trên cho Ngân hàng P thì đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng P được đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ: Xe tải Pickup cabin kép, nhãn hiệu Ford Ranger, số máy P4AT2351349, số khung FF80HW665579, biển số đăng ký 51D-091.40 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 242387 do Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2017 cho Công ty K. Toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị đầu tư tăng lên của ô tô đã thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp theo khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp.

Bị đơn là Công ty K do ông Nguyễn Kh là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập và tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa họp lệ nhưng không có ý kiến đồng thời vắng mặt tại các phiên họp và phiên tòa xét xử sơ thẩm không có lý do.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên yêu cầu: Buộc Công ty K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng P theo Hợp đồng tín dụng số 445.0015/2017/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 18/01/2017 tổng số tiền là 838.753.155 (tám trăm ba mươi tám triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn một trăm năm mươi lăm) đồng, trong đó nợ gốc là 501.661.000 (năm trăm không một triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn) đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 15/7/2022 là 337.092.155 (ba trăm ba mươi bảy triệu không trăm chín mươi hai nghìn một trăm năm mươi lăm) đồng – {trong đó: Lãi trong hạn là 113.268.201 (một trăm mười ba triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm không một) đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 192.961.391 (một trăm chín mươi hai triệu chín trăm sáu mươi một nghìn ba trăm chín mươi một) đồng, lãi chậm trả lãi là 30.862.563 (ba mươi triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi ba) đồng} và tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 16/7/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trong trường hợp Công ty K không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ trên cho Ngân hàng P thì đề nghị Tòa án

tuyên Ngân hàng P được đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn là Công ty K do ông Nguyễn Kh là người đại diện theo pháp luật đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định tại các điều 239, 243, 247, 248, 249, 250, 254, 258, 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về thời hạn chưa đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 463, 466, 317, 318, 320 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa xét xử sơ thẩm mà không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên giữa các đương sự không thống nhất được bất kỳ nội dung nào của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn là Ngân hàng P có đơn khởi kiện đối với Công ty K liên quan đến số tiền vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 445.0015/2017/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 18/01/2017. Theo kết quả xác minh tại Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty K có trụ sở tại đường N, tổ M, ấp K, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, chưa đăng ký giải thể và đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định

tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng*: Công ty K do ông Nguyễn Kh là người đại diện theo pháp luật đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Buộc Công ty K thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến hết ngày 15/7/2022 là 838.753.155 (tám trăm ba mươi tám triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn một trăm năm mươi lăm) đồng, trong đó nợ gốc là 501.661.000 (năm trăm không một triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn) đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 15/7/2022 là 337.092.155 (ba trăm ba mươi bảy triệu không trăm chín mươi hai nghìn một trăm năm mươi lăm) đồng – {trong đó: Lãi trong hạn là 113.268.201 (một trăm mười ba triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm không một) đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 192.961.391 (một trăm chín mươi hai triệu chín trăm sáu mươi một nghìn ba trăm chín mươi một) đồng, lãi chậm trả lãi là 30.862.563 (ba mươi triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi ba) đồng} và tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 16/7/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[4]. Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 445.0015/2017/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 18/01/2017 được ký kết giữa Ngân hàng P và Công ty K thì đây là hợp đồng vay có tài sản bảo đảm. Khi ký kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, chủ thể, hình thức, nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[5]. Theo thỏa thuận trong hợp đồng nêu trên thì Ngân hàng P cho Công ty K vay số tiền là 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng; thời hạn vay 60 tháng (kể từ ngày rút vốn đầu tiên); lãi suất 8.49%/năm trong 12 tháng đầu tiên và chịu sự điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng P; mục đích vay: Mua xe ô tô Ford Ranger. Thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng P đã giải ngân cho Công ty K 01 lần với tổng số tiền là 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng theo Khế ước nhận nợ số 445.0015/2017/KU'NN-DN/PGB.SG ngày 19/01/2017.

[6]. Căn cứ theo thỏa thuận trong hợp đồng cũng như Khế ước nhận nợ, Công ty K có nghĩa vụ trả nợ (trả nợ gốc và nợ lãi) cho Ngân hàng P trong thời hạn 60 tháng; phương thức trả nợ gốc và nợ lãi vào ngày 26 hàng tháng và bắt đầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi từ ngày 26/02/2017. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty K đã thanh toán cho Ngân hàng P tổng số tiền là 292.076.300 (hai trăm chín mươi hai triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm) đồng, trong đó bao gồm: 198.339.000 (một trăm chín mươi tám triệu ba trăm ba mươi chín nghìn) đồng tiền nợ gốc và 93.737.300 (chín mươi ba triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm) đồng tiền nợ lãi. Sau khi Công ty K đã thanh toán cho Ngân hàng P số tiền trên thì kể từ ngày 26/7/2018 đến nay Công

ty K không trả nợ bất kỳ khoản tiền nào khác nữa cho Ngân hàng. Tính đến ngày 15/7/2022 Công ty K mới trả nợ gốc cho ngân hàng là 198.339.000 (một trăm chín mươi tám triệu ba trăm ba mươi chín nghìn) đồng, nợ gốc còn lại là: 501.661.000 (năm trăm không một triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn) đồng. Như vậy, Công ty K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận tại khoản 9, 10 Điều 1 của Hợp đồng tín dụng số 445.0015/2017/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 18/01/2017 và mục 8, mục 9 của khế ước nhận nợ số 445.0015/2017/KUNN-PN/PGB.SG ngày 19/01/2017; vi phạm Điều 280 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Ngân hàng P chuyển khoản vay sang nợ quá hạn và yêu cầu Công ty K có nghĩa vụ trả số nợ gốc còn lại là: 501.661.000 (năm trăm không một triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn) đồng là có cơ sở chấp nhận.

[7]. *Xét yêu cầu về lãi suất:* Về lãi suất đã được Ngân hàng tính toán, thực hiện theo đúng hợp đồng, phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật về lãi suất. Cam kết của các bên trong hợp đồng về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng, điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất nên được xác định là hợp pháp, có hiệu lực thi hành đối với các bên. Tính đến ngày 15/7/2022, Công ty K còn nợ lãi là 337.092.155 (ba trăm ba mươi bảy triệu không trăm chín mươi hai nghìn một trăm năm mươi lăm) đồng.

[8]. *Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là xe tải pickup cabin kép, nhãn hiệu Ford Ranger, số máy P4AT2351349, số khung FF80HW665579, biển số đăng ký 51D-091.40* theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 242387 do Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2017 cho Công ty TNHH Xây dựng K: Xét tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty K, việc ký kết hợp đồng thế chấp cũng như đăng ký bảo đảm được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên, do đó nếu Công ty K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì Ngân hàng P có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là xe tải pickup cabin kép, nhãn hiệu Ford Ranger, số máy P4AT2351349, số khung FF80HW665579, biển số đăng ký 51D-091.40 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 242387 do Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2017 cho Công ty K để đảm bảo thi hành án.

[9]. Công ty K do ông Nguyễn Kh là người đại diện theo pháp luật mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do và không có bất cứ ý kiến nào phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, điều này cho thấy Công ty K đã từ bỏ quyền phản đối của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nên phải tự chịu hậu quả của việc không chứng minh theo khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ trên yêu cầu khởi

kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét, giải quyết vụ án.

[10]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng P tổng số tiền là 838.753.155 (tám trăm ba mươi tám triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn một trăm năm mươi lăm) đồng, trong đó nợ gốc là 501.661.000 (năm trăm không một triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn) đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 15/7/2022 là 337.092.155 (ba trăm ba mươi bảy triệu không trăm chín mươi hai nghìn một trăm năm mươi lăm) đồng – {trong đó: Lãi trong hạn là 113.268.201 (một trăm mười ba triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm không một) đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 192.961.391 (một trăm chín mươi hai triệu chín trăm sáu mươi một nghìn ba trăm chín mươi một) đồng, lãi chậm trả lãi là 30.862.563 (ba mươi triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi ba) đồng} và tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 16/7/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trong trường hợp Công ty K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì Ngân hàng P có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[11]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

[11.1]. Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm Công ty K phải chịu là: 37.162.595 (ba mươi bảy triệu một trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm chín mươi lăm) đồng.

[11.2]. Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp khi khởi kiện.

[12]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[13]. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các điều 280, 463, 466, 317, 318, 320 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ vào các điều 2, 6, 7, 7a, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần P đối với Công ty TNHH Xây dựng K.

Buộc Công ty TNHH Xây dựng K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P theo Hợp đồng tín dụng số 445.0015/2017/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 18/01/2017 tổng số tiền là 838.753.155 (tám trăm ba mươi tám triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn một trăm năm mươi lăm) đồng, trong đó nợ gốc là 501.661.000 (năm trăm không một triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn) đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 15/7/2022 là 337.092.155 (ba trăm ba mươi bảy triệu không trăm chín mươi hai nghìn một trăm năm mươi lăm) đồng – {trong đó: Lãi trong hạn là 113.268.201 (một trăm mười ba triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm không một) đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn là 192.961.391 (một trăm chín mươi hai triệu chín trăm sáu mươi một nghìn ba trăm chín mươi một) đồng, lãi chậm trả lãi là 30.862.563 (ba mươi triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi ba) đồng}.

Thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 445.0015/2017/HĐTD-DN/PGB.SG ngày 18/01/2017 và phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngay sau khi Công ty TNHH Xây dựng K trả hết toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi nêu trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P thì Ngân hàng Thương mại cổ phần P có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty TNHH Xây dựng K bản chính các giấy tờ của tài sản thế chấp.

Trong trường hợp Công ty TNHH Xây dựng K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần P có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là xe tải pickup cabin kép, nhãn hiệu Ford Ranger, số máy P4AT2351349, số khung FF80HW665579, biển số đăng ký 51D-091.40 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 242387 do Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2017 cho Công ty TNHH Xây dựng K để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH Xây dựng K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 37.162.595 (ba mươi bảy triệu một trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm chín mươi lăm) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Ngân hàng Thương mại cổ phần P không phải chịu án phí dân sự sơ

thâm, hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P 14.522.938 (mười bốn triệu năm trăm hai mươi hai nghìn chín trăm ba mươi tám) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2019/0078155 ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND H.H, TP.HCM;
- Chi cục THADS H. H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huy